

KẾ HOẠCH TƯỚI NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LỢI BÁC

(Kèm theo Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/3/2026 của UBND xã Lợi Bác)

Đơn vị tính : ha

TT	Tên đơn vị hành chính	Lúa cả năm						Rau, màu, cây công nghiệp, cây ăn quả, hoa và dược liệu						Ghi chú
		Tổng diện tích gieo trồng	Diện tích được tưới, trong đó:					Diện tích gieo trồng	Diện tích được tưới, trong đó:					
			Tổng diện tích tưới	Động lực	Trọng lực	Kết hợp ĐL và TL	Biện pháp khác		Tổng diện tích tưới	Động lực	Trọng lực	Kết hợp ĐL và TL	Biện pháp khác	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Khòn Cháo-Co Cai	60,50	60,50		60,50		-	27,90	27,90		27,90			
2	Khòn Sè	50,00	50,00		50,00		-	23,20	23,20		23,20			
3	Hợp Nhất	38,00	38,00		38,00		-	20,70	20,70		20,70			
4	Bản Mới B	35,00	35,00		35,00		-	11,30	11,30		11,30			
5	Nà Mò	18,00	18,00				18,00	7,81	7,81				7,81	
6	Tà Lạn-Pò Nhàng	29,00	29,00				29,00	10,12	10,12				10,12	
7	Nà Làng	29,00	29,00				29,00	7,53	7,53				7,53	
8	Nà Phây	31,00	31,00				31,00	7,72	7,72				7,72	
9	Bản Choong-Bản Miang	28,00	28,00				28,00	8,52	8,52				8,52	
10	Thôn Nà U	28,00	28,00				28,00	13,20	13,20				13,20	
11	Thôn Kéo Cọ	24,00	24,00				24,00	14,70	14,70				14,70	
12	Thôn Bản Chành	35,00	35,00		35,00		-	16,30	16,30		16,30		-	
13	Thôn Nà Phi	30,00	30,00		30,00			14,10	14,10		14,10		-	
14	Thôn Giã Nàng	33,00	33,00				33,00	11,50	11,50				11,50	
15	Thôn Phai Vải	39,00	39,00				39,00	9,20	9,20				9,20	
16	Thôn Nà Mu	31,00	31,00				31,00	11,60	11,60				11,60	
17	Thôn Khuổi Tà	13,00	13,00				13,00	6,54	6,54				6,54	

18	Thôn Nà Xóm	12,00	12,00				12,00	8,90	8,90				8,90	
	Tổng cộng	563,50	563,50	-	248,50		315,00	230,84	230,84	-	113,50		117,34	

